TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 – 4 - 2018
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Ngô Hoàng Sơn.
Ông Nguyễn Hoàng Dân
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương - là thư ký Tòa án

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 142/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018, về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan V, sinh năm 1994 (Có mặt).
Địa chỉ: đường T, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Lê Chí T, sinh năm 1995 (vắng mặt).
Địa chỉ: đường L, khóm B, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Lan V trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

- Về hôn nhân, chị và anh Lê Chí T chung sống vợ chồng vào năm 2015, đến năm 2016 vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 04/8/2016. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T không lo cho vợ con, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Lê Chí T.

- Về con chung, anh chị có 01 con chung tên Lê Nguyễn Huỳnh M, sinh ngày 10/9/2015, hiện cháu M đang sống với chị V. Khi ly hôn chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có.

Tại bản tự khai và lời trình bày của bị đơn là anh Lê Chí T trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

- Về hôn nhân, Anh xác định về thời gian chung sống, kết hôn và nơi đăng ký kết hôn như lời chị V trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay chị V yêu cầu ly hôn, anh đồng ý .

- Về con chung, có 01 con chung tên Lê Nguyễn Huỳnh M, sinh ngày 10/9/2015, hiện nay cháu đang chung sống với chị V. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan V và anh Lê Chí T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, đến ngày 04/8/2016 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Cà Mau nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống cả hai anh chị đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cải vã, hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị V yêu cầu ly hôn và được anh T đồng ý. Xét thấy đây là ý kiến tự nguyện của các đương sự, phù hợp pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Lan V được ly hôn anh Lê Chí T.

[2] Về con chung: Chị V anh T xác định có 01 con chung tên Lê Nguyễn Huỳnh M, sinh ngày 10/9/2015, hiện cháu M đang sống chung với chị V. Khi ly hôn, anh chị vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên do anh chị không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, quá trình hòa giải cả hai anh chị đều yêu cầu được tiếp tục nuôi con, tại phiên tòa chị V vẫn giữ yêu cầu được tiếp tục nuôi con, cả hai anh chị không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cả hai anh chị đều có công việc làm nên về kinh tế và thu nhập là có như nhau, hiện anh T cho rằng anh có điều kiện hơn chị V. Tuy nhiên, cháu M hiện nay chỉ mới được hơn 02 tuổi, là con gái nên vẫn rất cần sự chăm sóc của người mẹ để cháu được phát triển toàn diện về thể chất cũng như tâm lý và cũng phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và tránh xáo trộn về cuộc sống sinh hoạt, do đó, Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị V xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị V khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lan V về việc xin ly hôn anh Lê Chí T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Huỳnh M, sinh ngày 10/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Lan V tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị V, anh T xác định không có nên không đặt ra xem xét;

4. Về nợ chung: Chị V, anh T khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị Lan V phải chịu 300.000đ. Ngày 27 tháng 02 năm 2018, chị V đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ tại biên lai số 0000397 được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
-UBND phường T, TPCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Thu